BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 185/BC-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3086
Ngày: 27/8/18
Chuyển: CT, PCT
PVX (Th)

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 2589/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 hằng năm"

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 do Bhutan khởi xướng, được Đại Hội đồng Liên Hợp quốc thông qua tại Nghị quyết số 66/281 năm 2012 đã được các thành viên Liên Hợp quốc, trong đó có Việt Nam cam kết thực hiện.

Nghị quyết nhấn mạnh cách tiếp cận "bao trùm, công bằng về tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển bền vững, giảm nghèo, hạnh phúc cho mọi người; coi hạnh phúc là mục tiêu chung, là nguyện vọng của con người trên thế giới" với các hoạt động được thực hiện sao cho phù hợp bao gồm cả chiến dịch tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa cuộc sống, khái niệm của hạnh phúc và cách thức đạt được hạnh phúc.

Ngày 26 tháng 12 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2589/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 hằng năm (sau đây gọi tắt là Đề án 2589). Đề án 2589 gồm các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, tổ chức, cá nhân, gia đình, toàn xã hội về ngày Quốc tế Hạnh phúc, từ đó có hành động cụ thể, thiết thực xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng hạnh phúc của người Việt Nam; tăng cường sự tham gia, phối hợp giữa các cấp, ngành, các tầng lớp nhân dân và sự hợp tác, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đối với các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Đề án 2589. Sau 5 năm triển khai, kết quả thực hiện Đề án 2589 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 2589

Từ năm 2014 đến 2018, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều có văn bản hướng dẫn về chủ đề, các khẩu hiệu tuyên truyền, nội dung hoạt động gửi các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ cũng có Kế hoạch từng năm tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế hạnh phúc.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành ở Trung ương như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam,

Đài Tiếng nói Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt nam... và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thường xuyên chỉ đạo xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện Đề án 2589. Bên cạnh đó tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách gắn với việc nâng cao chỉ số hạnh phúc xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội...

Ở địa phương, nhiều tỉnh, thành phố ban hành Chỉ thị, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về việc tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 hằng năm; chỉ đạo lồng ghép vào các chương trình kinh tế, xã hội. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 gửi các cấp quận, huyện và cơ sở, đồng thời chủ động phối hợp với các ban ngành, Hội Liên hiệp phụ nữ cùng cấp lựa chọn, tổ chức hoạt động thiết thực nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng hạnh phúc, ngăn chặn bạo lực trong gia đình.

Công tác báo cáo được duy trì. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận báo cáo từ các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp trong báo cáo chung của Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ hằng năm; tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Đề án lồng ghép trong nội dung công tác kiểm tra, giám sát công tác gia đình của Bộ. Triển khai hoạt động sơ kết 5 năm thực hiện Đề án 2589, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nhận được báo cáo sơ kết của 06 Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phụ lục I).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN 2589

1. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

Hoạt động tuyên tuyền được tổ chức bằng hình thức chương trình, chuyên đề riêng hoặc lồng ghép.

Nội dung tuyên truyền về lịch sử, ý nghĩa Ngày Quốc tế Hạnh phúc; chủ đề và thông điệp của Liên Hợp quốc; chủ đề, khẩu hiệu riêng và các hoạt động của Việt Nam; chính sách, pháp luật và việc thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; nêu gương người tốt, việc tốt; các hoạt động xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng hạnh phúc; phê phán những biểu hiện, hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật về gia đình; khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức, cộng đồng có hoạt động tích cực đem lại hạnh phúc cho người thân, gia đình, cộng đồng.

Nội dung tuyên truyền bám sát chủ đề "Yêu thương và chia sẻ" đã được Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam thay mặt Chính phủ phát động tại Lễ phát động hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam (năm 2014) và duy trì liên tục trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018.

Tổng hợp báo cáo của 46 tỉnh, thành: Trong 5 năm đã có khoảng 9.000 tin, bài trên báo hình; 57.000 tin, bài trên báo in; 91.000 tin, bài trên báo nói; 875.000 tin bài trên báo điện tử.

2. Tuyên truyền trực quan cổ động

Hầu hết các các cơ quan, đơn vị đều tổ chức tuyên truyền trực quan cổ động bằng các hình thức căng băng zôn, pa nô, áp phích.. tại các trụ sở cơ quan,

đơn vị, trên các trục đường chính, đông dân cư của các địa phương. Với các thông điệp: *"Yêu thương và chia sẻ", "Hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3!","Hãy hành động vì gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh!", " Xây dựng môi trường sống, học tập và làm việc hạnh phúc!", "Tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ để giữ gìn hạnh phúc gia đình!", 'Bảo vệ trẻ em bằng gia đình hạnh phúc, bình yên!"*. Các Bộ, ngành, địa phương có thêm các thông điệp, khẩu hiệu riêng, sáng tạo, hướng tới các giá trị yêu thương, chia sẻ, cân bằng, hài hòa trong cuộc sống, công việc, gia đình, hạnh phúc trong gia đình, công sở, trường học.

Tổng hợp báo cáo của 46 tỉnh, thành: Trong 5 năm có 107.000 băng zôn, 99.000 pano, áp phích. Hình thức tuyên truyền bằng xe lưu động, trình chiếu trên màn hình LED được nhiều địa phương áp dụng, thu hút sự quan tâm của cộng đồng, nhân dân.

3. Tổ chức mít tinh, hội thảo, hội nghị, tập huấn, tọa đàm, diễn đàn, cuộc thi, hội thi, các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch và các hình thức phù hợp khác

Ở Trung ương: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức 4 sự kiện, thu hút truyền thông, tạo dư luận tốt, lan tỏa trong xã hội: *Năm 2014* chủ trì với sự phối hợp của TW Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Ngoại giao tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3, chủ đề "Yêu thương và chia sẻ" tại Nhà hát Lớn Hà Nội, đồng thời trao giải cuộc thi viết về "Gia đình hạnh phúc" trên Báo Văn hóa. Tới dự có lãnh đạo Đảng, nhà nước, các Bộ ngành, tổ chức chính trị, xã hội và đại diện các tầng lớp nhân dân, cùng đông đảo phóng viên báo chí. *Năm 2015* chủ trì với sự phối hợp của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh tổ chức tại Nhà hát Lớn TP Hồ Chí Minh chương trình nghệ thuật "Bài ca Hạnh phúc" và triển lãm nghệ thuật "Hạnh phúc ngày sum họp" gắn với sự kiện kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2015). *Năm 2016* tổ chức Hội thi Câu lạc bộ Gia đình chủ đề về "Gia đình hạnh phúc". *Năm 2017* chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học "Xây dựng văn hóa gia đình thời kỳ đương đại", chủ trì với sự phối hợp của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tổ chức tọa đàm khoa học "Quan niệm về hạnh phúc của người Việt Nam".

Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Dân tộc, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ, Trung ương Đoàn TNCSHCM...chỉ đạo tổ chức các tọa đàm, hội nghị chủ đề về quan niệm về hạnh phúc, hạnh phúc gia đình, phụ nữ với việc xây dựng hạnh phúc gia đình...các cuộc thi, hội thi... Tổ chức các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ đồng nghiệp có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức biểu dương các gia đình chiến sỹ, cán bộ...

Ở địa phương: Các hoạt động được tổ chức từ tỉnh xuống đến cơ sở (thôn, ấp, bản, làng, các câu lạc bộ về gia đình, các dòng họ), các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học. Tập trung vào hoạt động biểu dương, liên hoan gặp mặt các gia đình hạnh phúc, vợ chồng người cao tuổi hạnh phúc; tổ chức đám cưới tập thể cho các cặp đôi thanh niên; thêm 1 ngày, 1 dịp toàn

xã hội thực hiện các hoạt động thiện nguyện giúp đỡ tiền của, xây dựng nhà tình nghĩa, hiến máu cứu người được phát động và được hưởng ứng. Tại nhiều tỉnh, thành như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hà Giang, Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Hải Dương, Thái Bình, Đà Nẵng, Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Cần Thơ, Bến Tre, Kiên Giang, Bình Thuận, Bình Phước.. tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, hoạt động thiện nguyện .... với nhiều chủ đề phong phú, sáng tạo: *"Bạn không cô đơn, chúng tôi luôn bên bạn", "Giá trị của hạnh phúc gia đình", "Hiểu để yêu thương", "Hạnh phúc gia đình trẻ", "Lửa hồng yêu thương", "Người giữ lửa hạnh phuc gia đình", "Gia đình hạnh phúc- Gia đình không có bạo lực", "Đường đến hạnh phúc", "Đàn ông vào bếp", "Con đường hạnh phúc", "Cuộc sống này là để yêu thương", "Làm thế nào để hạnh phúc", "Bữa cơm tình nghĩa", "Bữa cơm nhân ái", "Hạnh phúc nơi phố Hội", "Hạnh phúc trong kinh doanh", "Những câu chuyện hạnh phúc, "Giai điệu hạnh phúc", "Hạnh phúc quanh ta", "Hạnh phúc trong tôi"....*

Tổng hợp báo cáo của 46 tỉnh, thành: Trong 5 năm có khoảng 9.000 cuộc mít tinh; 23.000 hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, triển lãm; 34.000 hội thi, cuộc thi, sinh hoạt Câu lạc bộ; 25.000 lượt thăm hỏi, tặng quà, hoạt động thiện nguyện. (Phụ lục II).

4. Việc huy động hệ thống chính trị, cộng đồng, doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3

Các hoạt động hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc trở thành hoạt động thường niên của nhiều cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, được đông đảo nhân dân hưởng ứng thực hiện; sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân với những hoạt động thiết thực, hiệu quả.

Công tác phối hợp liên ngành cả ở trung ương và địa phương triển khai thực hiện Đề án Ngày quốc tế Hạnh phúc nói riêng và trong công tác gia đình đã có bước chuyển biến quan trọng. Bằng việc lồng ghép hoạt động lĩnh vực gia đình trong đó có Ngày Quốc tế Hạnh phúc với hình thức sân khấu hóa, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và du lịch qua phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước khác.

5. Đánh giá hiệu quả tác động của Đề án; cơ chế phối hợp, lồng ghép thực hiện Đề án

Với nội dung phù hợp với nguyện vọng chung của các tầng lớp nhân dân, các thông điệp tuyên truyền chủ đề "Yêu thương và chia sẻ" được đánh giá mang tính hiệu triệu, vận động mạnh mẽ và tính nhân văn sâu sắc; đến nay, sau 5 năm triển khai thực hiện ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3, đông đảo nhân dân biết tới ngày Quốc tế Hạnh phúc, ý nghĩa của ngày Quốc tế Hạnh phúc; tiếp nhận được nhiều hơn thông tin về các chính sách an sinh xã hội. Những thông điệp, các hoạt động cụ thể được người dân sáng tạo, chia sẻ thông qua các hình vẽ, thiệp, ảnh, clip, lời chúc lan truyền cảm hứng trên mạng xã hội và bằng những hành động cụ thể quan tâm tới nhau trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp...đã mang lại những cảm xúc ấm áp, khơi gợi lòng yêu thương, nhắc nhở nhau về giá trị sống tốt đẹp. Các tấm gương điển hình xuất hiện, lan tỏa trong cộng đồng. Ý thức và hành động thiết thực trong xây dựng hạnh phúc gia đình, hạnh phúc cộng đồng được nâng cao và cụ thể hóa.

Các cấp, ngành, tổ chức tích cực và chủ động hơn trong công tác phối hợp, trong công tác tham mưu, lồng ghép thực hiện Đề án hướng tới mục tiêu vì xã hội hạnh phúc, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao, giảm bạo lực gia đình, bạo lực học đường, bạo lực công sở, bạo lực giới, giảm tai tệ nạn xã hội.

Phát huy được nguồn lực từ xã hội trong các hoạt động, chương trình từ thiện, nhân đạo, các chương trình hỗ trợ, miễn phí, giảm phí, giúp đỡ nhau trong cộng đồng, ước tính hàng chục ti đồng.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện Đề án

Công tác chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả, còn nặng về hình thức; chưa tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực, trọng tâm, liên kết với nhau.

Công tác tuyên truyền đã được đẩy mạnh tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; các hoạt động truyền thông về lịch sử, ý nghĩa ngày Quốc tế Hạnh phúc chỉ mới thực hiện ở việc cung cấp thông tin, chưa có nhiều tác phẩm chuyên sâu; chưa phát hiện, biểu dương, nhân rộng được nhiều điển hình, người tốt, việc tốt trong hoạt động hưởng ứng ngày Quốc tế Hạnh phúc.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nhận thức về ngày Quốc tế Hạnh phúc của một số chính quyền địa phương, một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa đầy đủ, mới hiểu trên một khía cạnh đó là hạnh phúc gia đình, hạnh phúc lứa đôi, chưa hướng tới nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, xóa đói giảm nghèo và phấn đấu vì hạnh phúc và sự thịnh vượng cho tất cả mọi người.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức đặc biệt ở cấp cơ sở chưa chặt chẽ; triển khai đơn lẻ, thực hiện còn mang tính hình thức, các hoạt động chưa phong phú, đa dạng. Mới hiểu đây chỉ là công việc của ngành Văn hóa.

Đội ngũ cán bộ tham mưu còn thiếu về số lượng, còn hạn chế về năng lực, lại thường xuyên biến động. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho hoạt động của Đề án ít, chủ yếu lồng ghép. Chưa chủ động phát huy được nguồn kinh phí xã hội hóa cho các hoạt động thực hiện các mục tiêu của Đề án.

Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng, quan tâm cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả tổ chức triển khai Đề án và tuyên truyền về ngày Quốc tế Hạnh phúc chưa cao.

3. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Tăng cường công tác chỉ đạo, công tác phối hợp liên ngành tổ chức thực hiện và kiểm tra trong quá trình tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc hằng năm; đổi mới nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Xây dựng tài liệu khung phục vụ cho tuyên truyền. Xây dựng cụ thể hơn, rõ hơn các thông điệp, khẩu hiệu từng năm hướng tới các mục tiêu xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng hạnh phúc. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về xây dựng gia đình hạnh phúc, trường học hạnh phúc, công sở hạnh phúc. Chú

trọng tuyên truyền giáo dục thanh thiếu niên về đạo đức, các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, ứng xử trong quan hệ gia đình; kiến thức tiền hôn nhân, kỹ năng ứng xử ... nhằm tích lũy kiến thức, kinh nghiệm xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương, trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng.

Nghiên cứu xây dựng mô hình mới; phát hiện, nhân rộng các mô hình tốt; kịp thời biểu dương, khen thưởng gương người tốt, việc tốt; tăng cường chia sẻ thông tin, bài học kinh nghiệm, các sáng kiến hay trong hoạt động nhân ngày Quốc tế Hạnh phúc hằng năm.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Thủ tướng Chính phủ

Chỉ đạo bố trí nguồn nhân lực cho bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về công tác gia đình từ tỉnh đến cơ sở để triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác gia đình, trong đó hoạt động của Đề án 2589. Ưu tiên cho các tỉnh vùng khó khăn.

Chỉ đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tích cực phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện công tác gia đình, thực hiện tốt Đề án 2589.

2. Đối với các Bộ, ban, ngành, tổ chức đoàn thể ở Trung ương

Các Bộ, ngành, tổ chức đoàn thể tiếp tục quan tâm, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện công tác gia đình, thực hiện các hoạt động của Đề án 2589 theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện công tác gia đình, các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu của Đề án 2589.

Chỉ đạo tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác gia đình, thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo. Bố trí nguồn lực tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác gia đình trong đó có Đề án 2589.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương khen thưởng động viên tập thể và cá nhân thực hiện tốt công tác gia đình, thực hiện tốt Đề án 2589./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó TTCP Vũ Đức Đam;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Các VĐXH của Quốc hội;

(để báo cáo)

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Ngành, Đoàn thể liên quan;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở VHTTDL; VH&TT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, GĐ, HN.160.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Thị Thủy

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
DANH MỤC
BÁO CÁO SƠ KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN NGÀY QUỐC TẾ HẠNH PHÚC 20 THÁNG 3 HÀNG NĂM"
(Ban hành theo Báo cáo số 185/BC-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên cơ quan, tỉnh/thành	Ký hiệu báo cáo
	Bộ, ngành Trung ương	
1	Bộ Ngoại giao	1599/BNG-ĐUĐT
2	Bộ Quốc phòng	828/BC-CT
3	Bộ Công an	226/BC-BCA (BAN)
4	Ủy ban dân tộc	67/BC-UBDT
5	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	25/BC-ĐCT
6	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	40-BC/TWĐTN-BTG
	Các tỉnh, thành phố	
1	Cao Bằng	1254/BC-UBND
2	Bắc Kạn	198/BC-UBND
3	Thái Nguyên	108/BC-UBND
4	Quảng Bình	92/BC-UBND
5	Đăk Lăk	106/BC-UBND
6	Bạc Liêu	129/BC-UBND
7	Bến Tre	172/BC-UBND
8	Lâm Đồng	88/BC-UBND
9	Hà Giang	05/BC-BCĐ
10	Hòa Bình	54/BC-BCĐ
11	Lạng Sơn	76/BC-BCĐ
12	Hải Dương	704/BC-BCĐ
13	Hải Phòng	63/BC-BCĐ
14	Thái Bình	37/BC-BCĐ
15	Ninh Bình	47/BC-BCĐ
16	Quảng Ngãi	739/BC-BCĐ
17	Bình Định	608/BC-BCĐ
18	Kon Tum	139/BC-BCĐ
19	Kiên Giang	394/BC-BCĐ
20	Long An	861/BC-BCĐ
21	Bà Rịa - Vũng Tàu	61/BC-BCĐ

22	Hà Nội	91/BC-VH&TT
23	Tuyên Quang	15/BC-SVHTTDL
24	Lào Cai	101/BC-SVHTTDL
25	Điện Biên	801/BC-SVHTTDL
26	Lai Châu	298/BC-SVHTTDL
27	Sơn La	125/BC-SVHTTDL
28	Yên Bái	922/BC-BCĐ
29	Quảng Ninh	94/BC-UBND
30	Bắc Giang	96/BC-SVHTTDL
31	Phú Thọ	62/BC-SVHTTDL
32	Vĩnh Phúc	46/BC-SVHTTDL
33	Bắc Ninh	66/BC-SVHTTDL
34	Hưng Yên	81/BC-SVHTTDL
35	Hà Nam	74/BC-UBND
36	Nam Định	360/BC-SVHTTDL
37	Thanh Hóa	1327/BC-SVHTTDL
38	Nghệ An	1231/BC-SVHTT
39	Hà Tĩnh	46/BC-SVHTTDL
40	Quảng Trị	45/SVHTTDL-NSVH
41	Thừa Thiên Huế	630/BC-SVHTT
42	Đà Nẵng	214/BC-SVHTT
43	Quảng Nam	68/BC-SVHTTDL
44	Phú Yên	1005/BC-VHTTDL
45	Gia Lai	76/BC-SVHTTDL
46	Khánh Hòa	81/BC-SVHTT
47	Đắk Nông	61/BC-SVHTTDL
48	Hậu Giang	22/BC-SVHTTDL
49	Cần Thơ	1743/BC-SVHTTDL
50	Cà Mau	180/BC-SVHTTDL
51	An Giang	820/BC-SVHTTDL
52	Tiền Giang	219/BC-SVHTTDL
53	Đồng Tháp	90/BC-SVHTTDL
54	Vĩnh Long	87/BC-SVHTTDL
55	Sóc Trăng	773/BC-SVHTTDL
56	Trà Vinh	129/BC-SVHTTDL
57	Bình Thuận	1063/BC-SVHTTDL
58	Ninh Thuận	108/BC-SVHTTDL
59	Bình Dương	46/BC-SVHTTDL
60	Bình Phước	1124/BC-SVHTTDL
61	Đồng Nai	5657/BC-UBND
62	Tây Ninh	120/BC-SVHTTDL
63	TP Hồ Chí Minh	2136/BC-SVHTTDL

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
TỔNG HỢP SỐ LIỆU 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 2589

(Ban hành theo Báo cáo số 185 /BC-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên tỉnh, thành	Văn bản triển khai	Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng				Tuyên truyền trực quan cổ động			Các hoạt động khác				
			Báo hình	Báo in	Báo nói	Báo điện tử	Băng rôn	Pa no	Áp phíc	Mít tinh	Hội nghi hội thảo tọa đàm	Hội thi Cuộc thi	Thăm hỏi tặng quà	Hình thức khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	**Hà Nội**			**12100**	**41934**	**10438**	**6350**	**4036**	**9482**	**78**	**740**	**480**	**202**	**290**
	Năm 2014	348/KH-SVHTT&DL	0	1800	7746	1256	1044	684	1774	12	164	94	12	50
	2015	669/VHTT&DL	0	2300	9300	2468	1098	750	1758	14	160	106	18	54
	2016	560/KH-SVH&TT	0	3,000	9828	2658	1302	782	1846	16	142	106	20	52
	2017	380/SVHTT	0	5000	9986	2800	1382	860	1956	18	134	118	108	66
	2018		0	0	5074	1256	1524	960	2148	18	140	56	44	68
2	**Hà Giang**		**10**	6	**1025**	**85**	**1302**	7	**9000**	**220**	**731**	**2**	**0**	**80**
	Năm 2014	112/CV	2	1	205	11	246	3	0	30	170	0	0	4
	2015	03/HD	1	1	170	22	271	1	9000	45	120	1	0	0
	2016	81/CV	2	1	181	15	284	1	0	61	139	0	**0**	**5**
	2017	02/CV	2	1	**224**	**17**	253	0	0	43	147	1	0	20
	2018	59/UBND	3	2	245	20	248	2	0	41	155	**0**	0	51
3	**Cao Bằng**		**10**	**20**	**765**	**355**	**2244**	**11**	**0**	**0**	**1776**	**36**	**210**	**362**
	Năm 2014	481/UBND	2	4	135	61	298	2	0	0	249	5	21	52
	2015	62/UBND	2	4	144	66	349	3	0	0	290	7	46	63
	2016	356/UBND	2	4	158	71	551	3	0	0	384	**9**	51	76

	2017	313/UBND	2	4	162	76	549	2	0	0	436	8	47	90
	2018	248/UBND	2	4	166	81	497	1	0	0	417	7	45	81
4	**Lào Cai**		**515**	**51**	**917**	**28**	**887**	**900**	**0**	**253**	0	**0**	**0**	**0**
	Năm 2014	04/KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2015	131/UBND	168	4	179	6	224	217	0	81	0	0	0	0
		02/KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	2016	16/KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		20/KH	96	16	235	8	218	195	0	53	0	0	0	0
	2017	09/KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		11/KH	116	13	235	10	221	260	0	72	0	0	0	0
	2018	04/KH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		06/KH	135	18	268	4	224	228	0	47	0	0	0	0
5	**Điện Biên**		**27**	**290**	**31**	**101**	**635**	**0**	**0**	**486**	**304**	**2**	**1095**	**825**
	Năm 2014	742/UBND	6	45	0	5	71	0	0	10	18	0	95	48
	2015	55/CV	6	99	0	5	210	0	0	470	80	0	189	60
	2016	241/SVHTTDL	7	85	31	81	99	0	0	5	81	1	217	140
	2017	220/HD	4	32	0	6	186	0	0	0	67	1	230	177
	2018	284/KH	4	29	0	4	69	0	0	1	58	0	364	400
6	**Lai Châu**		**8**	**50**	**0**	**0**	**1015**	**0**	0	**5**	**95**	**7**	0	**378**
	Năm 2014	132/SVHTTDL	1	8	0	0	185	0	0	0	0	0	0	32
	2015	130/UBND - 79/KH	1	10	0	0	200	0	0	0	19	1	0	86
	2016	226/UBND - 105/KH	1	10	0	0	195	0	0	0	20	0	0	86
	2017	311/UBND - 125/KH	2	12	0	0	220	0	0	5	28	6	0	87
	2018	194/UBND - 79/KH	3	10	0	0	215	0	0	0	28	0	0	87
7	**Sơn La**		**60**	**41**	**0**	**0**	**230**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Năm 2014	185/KH	8	5	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0
	2015	22/KH - 227/KH	10	6	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0
	2016	272/KH - 229/SVHTTDL	12	8	0	0	50	0	0	0	0	0	0	0
	2017	32/KH - 183/KH	15	10	0	0	40	0	0	0	0	0	0	0

	2018	29/KH - 246/KH	15	12	0	0	40	0	0	0	0	0	0	0
8	**Hòa Bình**		**333**	**18569**	**208**	**537117**	**10313**	**44**	**2330**	**246**	**4873**	**2157**	**160**	**392**
	Năm 2014	54/KH - 107/SVHTTDL	70	3400	38	536403	1534	5	690	13	1050	299	13	63
	2015	94/BCĐ - 134/KH	71	3520	39	197	2065	2	435	60	844	478	36	88
	2016	100/KH - 98/BCĐ	74	3700	38	197	2229	10	466	64	1073	339	35	92
	2017	124/BCĐ - 200/KH	72	4060	43	212	2367	12	536	56	943	516	39	85
	2018	66/KH - 23/KH - 87/SVHTTDL	46	3889	50	108	2118	15	203	53	963	525	37	64
9	**Thái Nguyên**		**240**	**64**	**81**	**69**	**1756**	**73**	**0**	730	**3482**	**345**	**8536**	**0**
	Năm 2014	111/KH-208/SVHTTDL	34	10	15	12	301	9	0	145	588	46	1387	0
	2015	12/KH - 88/HD - 110/BCĐ - 284/KH	48	12	16	14	333	10	0	140	628	61	1786	0
	2016	53/KH - 182/BCĐ	57	13	19	15	342	13	0	140	783	128	2111	0
	2017	29/SVHTTDL - 134/BCĐ	51	15	14	18	379	22	0	140	888	38	1896	0
	2018	53/BCĐ - 54/KH	50	14	17	10	401	19	0	165	595	72	1356	0
10	**Lạng Sơn**		0	0	0	**0**	**435**	**5**	0	**2**	**3**	**1**	**1**	0
	Năm 2014	171/KH	0	0	0	0	75	1	0	0	1	0	0	0
	2015	21/KH	0	0	0	0	80	1	0	1	0	0	0	0
	2016	14/KH	0	0	0	0	80	1	0	1	0	0	0	0
	2017	237/KH	0	0	0	0	90	1	0	0	1	0	1	0
	2018	15/KH	0	0	0	0	110	1	0	0	1	1	0	0
11	**Phú Thọ**		**65**	**8**	**1178**	**513**	**2004**	**561**	**635**	**103**	**468**	**12**	**387**	**0**
	Năm 2014	02/HD	11	1	179	84	235	79	90	19	92	5	61	0
	2015	05/HD	11	1	202	99	272	95	93	19	92	1	70	0
	2016	03/HD	14	2	243	114	550	113	142	21	94	2	76	0
	2017	98/SVHTTDL	15	2	269	102	455	126	168	22	93	2	86	0

	2018	13/KH	14	2	285	114	492	148	142	22	97	2	94	0
12	**Bắc Ninh**		**0**	**0**	**0**	**0**	**234**	**4**	**0**	**0**	**2**	**1**	**0**	**0**
	Năm 2014	342/UBND - 419/SVHTTDL - 137/SVHTTDL - 145/SCHTTDL - 181/SVHTTDL	0	0	0	0	30	0	0	0	1	1	0	0
	2015	55/SVHTTDL - 97/SVHTTDL - 115/SVHTTDL - 178/SVHTTDL	0	0	0	0	136	0	0	0	1	0	0	0
	2016	16/KH - 15/SVHTTDL - 112/SVHTTDL - 70/SVHTTDL	0	0	0	0	48	0	0	0	0	0	0	0
	2017	141/SVHTTDL - 28/KH - 194/SVHTTDL - 150/SVHTTDL	0	0	0	0	10	2	0	0	0	0	0	0
	2018	358/KH - 49/KH	0	0	0	0	10	2	0	0	0	0	0	**0**
13	**Hải Dương**		**377**	**2548**	**7329**	**2590**	**1832**	**261**	**119**	**93**	**1187**	**85**	**230**	**0**
	Năm 2014	215/BCĐ - 493/HD - 178/KH	47	360	1412	563	404	69	32	22	216	23	71	0
	2015	113/SVHTTDL - 248/KH	60	349	1406	379	394	41	18	22	231	24	40	0
	2016	1087/BCĐ - 179/SVHTTDL	76	333	1339	417	323	52	27	18	262	23	31	0
	2017	176/BCĐ - 242/BCĐ - 333/KH	91	631	1531	617	335	46	25	9	242	15	36	0
	2018	264/BCĐ - 354/SVHTTDL	103	875	1641	614	376	53	17	22	236	0	52	0
14	**Hải Phòng**		**57**	**52**	**79**	**78**	**2300**	**880**	770	**35**	**63**	**43**	**24**	**3**
	Năm 2014	11/KH	10	8	5	15	350	100	110	5	10	5	5	1

	2015	09/KH	15	8	20	15	450	200	120	5	15	7	6	0
	2016	10/KH	10	12	17	15	450	180	140	7	10	8	4	0
	2017	21/KH	10	11	17	15	500	200	180	8	13	10	5	1
	2018	44/KH	12	13	20	18	550	200	220	10	15	13	4	1
15	**Thái Bình**		**51**	**153**	**88**	**313**	**1110**	**26**	**0**	**0**	**625**	**21**	**1075**	**5000**
	Năm 2014	439/UBND - 114/SVHTTDL	10	30	13	60	200	8	0	0	100	4	150	1000
	2015	88/UBND O5/KH - 85/SVHTTDL	12	31	15	63	225	3	0	0	135	5	225	1000
	2016	444/UBND - 08/KH - 90/SVHTTDL	8	30	18	65	220	5	0	0	135	5	230	1000
	2017	08/KH - 9- /SVHTTDL	9	28	20	59	230	5	0	0	135	4	225	1000
	2018	1210/UBND - 06/KH - 83/SVHTTDL - 101/SVHTTDL	12	34	22	66	235	5	0	0	120	3	245	1000
16	**Nam Định**		0	**0**	**2467**	**349**	**1677**	**587**	**839**	**0**	**379**	**134**	**673**	**31**
	Năm 2014	08/UBND - 105/KH	0	0	508	7	327	106	150	0	74	4	138	3
	2015	08/UBND - 105/KH	0	0	513	15	360	134	155	0	76	8	143	2
	2016	221/KH	0	0	514	60	285	82	167	0	79	9	148	1
	2017	117/KH	0	0	531	121	383	124	175	0	13	76	163	3
	2018	23/KH	0	0	401	146	322	141	192	0	137	37	81	22
17	**Thanh Hóa**		**0**	**300**	**1100**	**1100**	**2750**	**700**	**700**	**6700**	**470**	**137**	**250**	**470**
	Năm 2014	317/SVHTTDL	**0**	40	200	200	**450**	130	130	**1000**	90	28	50	100
	2015	80/SVHTTDL	0	70	250	250	600	150	150	1500	100	25	50	120
	2016	328/SVHTTDL	0	70	250	250	600	150	150	1500	100	32	50	100
	2017	203/SVHTTDL	0	70	250	250	600	150	150	1500	100	32	50	100
	2018	1587/UBND - 71/KH - 100/KH	0	50	150	150	500	120	120	1200	80	20	50	50
18	**Nghệ An**		**15**	**12**	**126**	**12**	**1260**	**126**	**20000**	**126**	**126**	**126**	**600**	**24**

	Năm 2013	224/KH	2	2	21	2	210	21	3000	21	21	21	100	0
	2014	402/KH	2	2	21	2	210	21	3000	21	21	21	100	0
	2015	407/KH	2	2	21	2	210	21	3000	21	21	21	100	0
	2016	393/KH	2	2	21	2	210	21	3000	21	21	21	100	0
	2017	167/KH	2	2	21	2	210	21	3000	21	21	21	100	0
	2018	520/UBND - 336/HD	5	2	21	2	210	21	5000	21	21	21	100	24
19	**Hà Tĩnh**		**80**	**101**	**1313**	**98**	**2530**	**435**	**485**	**108**	**62**	**48**	**450**	**0**
	Năm 2014	02/HD	14	18	262	17	500	80	95	25	10	9	105	0
	2015	05/HD	15	17	262	18	505	82	96	20	12	11	95	0
	2016	03/HD	16	20	265	20	510	91	98	21	13	10	85	0
	2017	98/SVHTTDL	17	21	262	20	505	90	96	20	12	7	82	0
	2018	13/KH	18	25	262	23	510	92	100	22	15	11	83	0
20	**Quảng Bình**		**7**	**70**	**4398**	**113**	**4718**	**157**	**577**	**94**	**380**	**85**	**419**	**520**
	Năm 2014	63/SVHTTDL	0	7	523	23	470	24	123	19	62	17	90	42
	2015	97/SVGTTDL	2	14	89	24	734	25	131	18	80	18	89	71
	2016	86/SVHTTDL	2	17	1025	26	939	33	80	19	92	17	106	120
	2017	116/SVHTTDL	2	12	1231	28	1160	44	116	23	80	21	51	136
	2018	09/KH	1	20	1530	12	1415	31	127	15	66	12	83	151
21	**Quảng Trị**		**13**	**26**	**13**	**24**	**1425**	**454**	**722**	**0**	**11**	**9**	**10**	**0**
	Năm 2014	83/KH - 4234/KH	2	5	2	3	265	84	125	0	2	2	2	0
	2015	396/KH - 373/KH	3	6	3	5	290	87	135	0	3	2	2	0
	2016	594/KH	3	5	2	5	297	91	147	0	2	2	2	0
	2017	106/SVHTTDL	3	5	3	6	281	95	156	0	2	2	2	0
	2018	(KHÔNG CÓ)	2	5	3	5	292	97	159	0	2	1	2	0
22	**Thừa Thiên-Huế**		**79**	**25**	**1013**	**202**	**1675**	**50**	**4**	**1**	**27**	**5**	**44**	**0**
	Năm 2014	13/KH - 728/UBND	15	5	201	32	300	10	2	0	5	1	5	0
	2015	283/UBND	15	5	205	42	311	10	0	0	6	0	4	0
	2016	728/UBND	15	5	207	42	321	10	0	0	5	1	6	0
	2017	1050/UBND	17	5	215	43	372	10	2	0	5	2	7	0
	2018	908/UBND	17	5	185	43	371	10	0	1	6	1	22	0
23	**Đà Nẵng**		**52**	**122**	**25**	**105**	**2654**	**250**	**0**	0	**68**	**39**	**135**	**157**

	Năm 2014	1583/KH	2	5	0	5	200	0	0	0	20	5	0	50
	2015	701/KH	5	12	2	10	400	0	0	0	13	7	80	0
	2016	1264/KH	10	25	6	20	566	92	0	0	20	9	25	30
	2017	1085/KH	15	35	7	30	691	96	0	0	7	8	30	35
	2018	648/KH	20	45	10	40	797	62	0	0	8	10	0	42
24	**Quảng Ngãi**		**5**	**5**	0	**5**	**5400**	**33**	**0**	**0**	0	**0**	**0**	**0**
	Năm 2014	671/UBND	1	1	0	1	1000	9	0	0	0	0	0	0
	2015	125/SVHTTDL	1	1	0	1	1000	0	0	0	0	0	0	0
	2016	759/UBND - 125/SVHTTDL	1	1	0	1	1000	10	0	0	0	0	0	0
	2017	125/SVHTTDL	1	1	0	1	1200	0	0	0	0	0	0	0
	2018	494/UBND - 236/SVHTTDL	1	1	0	1	1200	14	0	0	0	0	0	0
25	**Bình Định**		**63**	**47**	**56**	**145**	**150**	20	**5**	**1**	**5**	**5**	**75**	0
	Năm 2014	2878/QĐ	11	**6**	10	20	30	4	1	1	1	1	11	0
	2015	742/QĐ	11	8	10	20	30	4	1	0	1	1	26	0
	2016	261/SVHTTDL	13	10	12	30	30	4	1	0	1	1	11	0
	2017	296/SVHTT	13	11	12	35	30	4	1	0	1	1	11	0
	2018	10/KH	15	12	12	40	30	4	1	0	1	1	16	0
26	**Phú Yên**		**8**	**14**	**94**	**14**	**746**	**35**	**410**	**0**	6	**42**	**1040**	**511**
	Năm 2014	594/UBND - 360/SVHTTDL	2	3	19	3	138	3	**80**	0	2	9	5	26
	2015	5006/UBND - 130/SVHTTDL	2	2	19	2	141	1	80	0	1	7	6	52
	2016	134/UBND - 268/SVHTTDL	1	3	18	3	142	3	80	0	1	7	8	145
	2017	398/UBND - 523/SVHTTDL	2	2	19	2	176	27	85	0	1	10	15	188
	2018	51/HĐ - 97/KH	1	4	19	4	149	1	85	0	1	9	1006	100
27	**Lâm Đồng**		**157**	**15**	308	**29**	**538**	**12**	**8000**	37	**2112**	**5**	**100**	**14**
	Năm 2014	42/QĐ	22	3	65	5	141	2	2000	1	427	1	20	10
	2015	316/QĐ	25	4	81	11	136	4	1900	10	533	1	25	2
	2016	661/QĐ	38	6	95	9	136	6	2100	20	601	3	25	2
	2017	1135/UBND	72	2	67	4	125	0	2000	6	551	0	30	0

	2018	286/UBND												
28	**Kon Tum**		**24**	**58**	**32**	**30**	**577**	**0**	**6000**	**0**	**78**	**5**	**61**	**153**
	Năm 2014	529/UBND	2	3	3	4	70	0	0	0	6	1	7	16
	2015	247/UBND	5	7	6	7	122	0	0	0	15	1	12	25
	2016	18/KH	5	9	7	7	125	0	2000	0	17	1	10	32
	2017	26/KH	6	15	7	6	130	0	1000	0	20	1	12	40
	2018	11/KH	6	24	9	6	130	0	3000	0	20	1	20	40
29	**Khánh Hòa**		**0**	**0**	**394**	**5**	**2508**	**1489**	**399**	**6**	**107**	**52**	**66**	**48**
	2014	1159/UBND - 272/SVHTTVDL	0	0	80	1	300	139	110	2	20	11	13	9
	2015	938/UBND - 250/SVHTTVDL	0	0	82	1	598	220	91	1	22	9	13	11
	2016	1398/UBND - 354/SVHTTVDL	0	0	81	1	436	386	79	1	23	13	17	10
	2017	1547/UBND - 414/SVHTTVDL	0	0	96	1	545	434	74	1	21	11	16	10
	2018	1358/UBND - 363/SVHTT	0	0	55	1	629	310	45	1	21	8	7	8
30	**Đắc Nông**		**30**	**50**	**50**	**27**	670	1060	0	0	**2**	**10**	0	0
	2014	10/KH - 85/HD	6	5	10	5	70	200	0	0	1	2	0	0
	2015	45/HD	6	15	10	5	100	200	0	0	0	2	0	0
	2016	75/HD - 50/KH	6	10	10	7	100	200	0	0	0	2	0	0
	2017	124/HD - 60/KH	6	10	10	5	200	200	0	0	1	2	0	0
	2018	127/BCĐ - 16/KH	6	10	10	5	200	260	0	0	0	2	0	0
31	**Đắc Lắc**		0	0	0	0	**170**	600	0	0	0	**1**	0	0
	2014	1142/QĐ - 407/QĐ	0	0	0	0	30	100	0	0	0	1	0	0
	2015	986/QĐ - 347/KH	0	0	0	0	30	100	0	0	0	0	0	0
	2016	1094/UBND - 318/KH	0	0	0	0	30	100	0	0	0	0	0	0
	2017	1342/KH - 386/KH	0	0	0	0	30	100	0	0	0	0	0	0

	2018	300/UBND - 2795/UBND - 263/KH	0	0	0	0	50	200	0	0	0	0	0	0
32	**Bạc Liêu**		**9**	**47**	**10**	**118**	**390**	**41**	**5700**	**0**	**36**	**12**	**126**	**0**
	2014	09/KH	2	12	2	24	50	10	1000	0	1	0	3	0
	2015	03/KH	2	12	2	24	80	10	1000	0	1	0	114	0
	2016	03/KH	2	10	2	30	80	10	1000	0	12	11	4	0
	2017	16/KH	2	10	2	30	80	10	1200	0	11	0	2	0
	2018	23/KH	1	3	2	10	100	1	1500	0	11	1	3	0
33	**Cần Thơ**		**9**	0	**277**	**17**	**7110**	**181**	60	0	**1180**	**139**	**2841**	**647**
	2014	461/KH - 599/KH	1	0	58	3	610	26	7	0	202	20	379	94
	2015	653/KH	1	0	63	3	1097	16	7	0	217	21	500	109
	2016	573/KH	2	0	20	4	1157	86	9	0	241	27	644	122
	2017	577/KH	2	0	65	4	1633	26	12	0	276	47	636	148
	2018	20/KH - 871/KHPH	3	0	71	3	2613	27	25	0	244	24	682	174
34	**Cà Mau**		**53**	**48**	**123**	**191**	**1250**	**3**	**1100**	**130**	**118**	**6**	**194**	**45**
	2014	275/SVHTTVDL	12	9	25	35	220	3	0	6	15	1	24	9
	2015	845/UBND - 16/KH	10	11	28	31	235	0	0	7	24	1	32	9
	2016	1073/UBND - 491/SVHTTVDL	11	8	22	39	210	0	0	16	21	0	40	9
	2017	1583/UBND - 26/KH	9	8	23	41	305	0	1100	45	27	4	46	9
	2018	262/UBND - 14/KH	11	12	25	45	280	0	0	56	31	0	52	9
35	**Đồng Tháp**		**21**	**21**	**1080**	**315**	**2747**	**150**	0	**7**	**47**	**68**	**375**	**2367**
	2014	14/KH	1	3	123	12	439	27	0	2	8	13	75	342
	2015	41/UBND - 21/KH	4	4	207	71	548	29	0	1	11	13	74	400
	2016	60/UBND - 15/KH	5	4	214	70	534	32	0	1	8	14	70	512
	2017	82/UBND - 17/KH	6	5	222	82	557	30	0	2	7	14	80	554

	2018	25/UBND - 44/KH - 19/KH	5	5	314	80	669	32	0	1	13	14	76	559
36	**Vĩnh Long**													
	2014	490/UBND												
	2015	09/KH												
	2016	2341/UBND												
	2017	856/UBND												
	2018	301/QĐ												
37	**Sóc Trăng**		**5**	**11**	**331**	**31**	**1236**	**49**	**0**	**1**	**7**	**14**	**0**	**2200**
	2014	278/KH	1	1	60	6	244	1	0	1	0	12	0	440
	2015	298/KH	1	1	60	6	246	1	0	0	3	0	0	440
	2016	237/KH	1	1	60	6	246	22	0	0	0	1	0	440
	2017	166/KH	1	7	60	6	250	22	0	0	4	0	0	440
	2018	24/KH	1	1	91	7	250	3	0	0	0	1	0	440
38	**Kiên Giang**		**0**	**5250**	**4740**	**158**	**1560**	**60**	**0**	**0**	**2**	**0**	**89**	**0**
	2014		0	930	802	24	270	10	0	0	0	0	12	0
	2015		0	980	840	29	285	10	0	0	0	0	14	0
	2016		0	1050	910	30	300	10	0	0	0	0	17	0
	2017		0	1112	1048	33	330	15	0	0	0	0	19	0
	2018		0	1178	1140	42	375	15	0	0	2	0	27	0
39	**Bình Thuận**		**2**	**6**	**567**	**49**	**1871**	**80**	**6**	**1**	**27**	**10**	**27**	**150**
	2014	104/UBND - 35/KH	2	3	412	8	871	20	6	0	4	2	5	30
	2015	146/KH -		3	50	9	250	15	0	1	6	2	5	20
	2016	496/VP - 265/KH		0	50	11	150	13	0	0	6	2	4	30
	2017	215/KH		0	5	10	350	15	0	0	5	2	6	50
	2018	292/KH	0	0	50	11	250	17	0	0	6	2	7	20
40	**Ninh Thuận**		**15**	**15**	**7530**	**15**	**2350**	**112**	**1300**	**0**	**447**	**0**	**0**	**105**
	2014	1183/KH	3	3	1007	3	450	7	200	0	28	0	0	21
	2015	1004/KH	3	3	1300	3	500	14	250	0	77	0	0	21
	2016	563/KH	3	3	2166	3	500	35	250	0	124	0	0	21
	2017	61/KH	3	3	1431	3	400	21	250	0	98	0	0	21
	2018	808/KH	3	3	1626	3	500	35	350	0	120	0	0	21
41	**Bình Dương**		**261**	**248**	**439**	**128**	**1483**	**280**	**537**	**155**	**453**	**218**	**590**	**173**

	2014	09/KH	40	43	78	22	272	30	64	13	159	22	75	0
	2015	03/KH	55	48	70	24	241	64	97	13	34	41	96	0
	2016	11/KH	46	60	92	28	304	53	97	28	95	50	96	0
	2017	06/KH	67	47	86	20	314	79	115	25	93	55	140	0
	2018	12/KH	53	50	113	34	352	54	164	76	72	50	183	173
42	**Bình Phước**		**286**	**79**	**407**	**47**	**3425**	**0**	**0**	**0**	**1**	**2**	**0**	**0**
	2014	85/UBND	51	15	75	8	685	0	0	0	0	0	0	0
	2015	36/KH	54	14	80	9	685	0	0	0	0	1	0	0
	2016	300/KH	55	15	80	9	685	0	0	0	0	1	0	0
	2017	42/KH	60	17	85	10	685	0	0	0	1	0	0	0
	2018	32/KH	66	18	87	11	685	0	0	0	0	0	0	0
43	**Bà Rịa-Vũng Tàu**		**150**	**5317**	**1448**	**2**	**6867**	**1017**	**0**	**26**	**2247**	**318**	**4857**	**1784**
	2014	2845/QĐ	30	1022	229	2	1181	156	0	3	440	53	935	354
	2015	07/KH - 319/QĐ	30	1041	247	0	1367	170	0	5	447	60	973	357
	2016	101/QĐ - 22/KH	30	1070	299	0	1387	191	0	5	450	65	973	355
	2017	22/KH	30	1083	325	0	1390	224	0	6	453	69	978	358
	2018	601/QĐ - 25/KH	30	1101	348	0	1542	276	0	7	457	71	998	360
44	**Yên Bái**	**17**	**255**	**484**	**633**	**331**	**1094**	**8**	**4**	**5**	**175**	**19**	**73**	**0**
	2014	3	51	95	128	79	222	1	0	2	19	0	3	0
	2015	3	49	97	121	79	164	3	0	0	24	3	8	0
	2016	4	52	99	125	82	237	2	0	0	34	4	15	0
	2017	3	53	104	137	82	245	1	0	1	50	6	20	0
	2018	4	50	89	122	9	226	1	4	2	48	6	27	0
45	**Quảng Ninh**		**126**	**6859**	**7595**	**5812**	**7280**	**5754**	**5711**	**0**	**65**	**57**	**17**	**21**
	2014	853/UBND - 67/KH	28	1317	1470	1128	1431	1129	1120	0	12	8	4	3
	2015	751/KH - 41/KH	24	1326	1489	1125	1446	1134	1137	0	14	12	2	5
	2016	1012/UBND - 348/SVHTTDL	26	1338	1558	1132	1464	1151	1144	0	13	14	3	6
	2017	1383/UBND - 315/SVHTT	22	1452	1534	1181	1468	1168	1152	0	12	11	4	4
	2018	19/KH - 1056/UBND - 33/KH - 285/SVHTT	26	1426	1544	1246	1471	1172	1158	0	14	12	4	3

46	**TP HCM**		**5395**	**3486**	**314**	**314154**	**3907**	**1379**	**478**	**0**	**0**	**11393**	**0**	**0**
	2014	826/SVHTTDL	4613	1354	46	102426	1012	259	56	0	0	1394	0	0
	2015	502/SVHTTDL	362	985	209	97742	879	313	128	0	0	1866	0	0
	2016	753/SVHTTDL	286	606	53	37468	312	108	64	0	0	1999	0	0
	2017	816/UBND	133	541	6	61788	402	92	50	0	0	1928	0	0
	2018	1106/KH	1	0	0	14730	1302	607	180	0	0	4206	0	0
TỔNG			**9156**	**57313**	**91347**	**875675**	**107415**	**22124**	**77645**	**9672**	**23738**	**16183**	**25145**	**18219**